

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2018/HNGĐ-ST

Ngày 11-5-2018

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Cường.

2. Ông Ngô Văn Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Nhung -Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liễu - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/3/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18/4/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1984; thường trú: Thôn N xã P, huyện N, tỉnh Bắc Giang; tạm trú: Khu phố Đ4, phường B, thị xã K, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1983; thường trú: Thôn N xã P, huyện N, tỉnh Bắc Giang; tạm trú: Khu phố Đ4, phường B, thị xã K, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 10 năm 2017 và quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

- *Về hôn nhân:* Bà H và ông Nguyễn Văn Đ tự tìm hiểu yêu thương khoảng thời gian 01 năm rồi tiến đến hôn nhân, bà H ông Đ làm chứng nhận kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên ngày 16/02/2006 (giấy chứng nhận kết hôn số 17, quyển số 01/2006) việc kết hôn là tự nguyện và được sự đồng ý

của hai bên gia đình. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại nhà riêng của hai vợ chồng tại xã Đông Phúc, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, đến năm 2009 vợ chồng chuyển đến thị xã K, tỉnh Bình Dương làm việc. Bà làm công nhân tại Công ty Freetrend Việt Nam, thu nhập bình quân 01 tháng 8.000.000 đồng, còn ông Đ làm nghề tài xế lái xe Bắc Nam, thu nhập mỗi tháng khoảng 15.000.000 đồng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Đ không quan tâm đến vợ con, thường xuyên đi nhậu, không tu chí làm ăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, việc này gia đình hai bên đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng không thành, vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nay xác định tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thu H1, sinh ngày 09/8/2007 và Nguyễn Anh Đ1, sinh ngày 06/11/2008. Hiện nay cháu H1 và cháu Đ1 đang do bà H nuôi dưỡng, khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H1, cháu Đ1 và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Đ:* Quá trình tố tụng Tòa án đã triệu tập ông Đ yêu cầu cung cấp bản tự khai ngày 26/01/2018, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 26/02/2018; tham gia phiên tòa vào các ngày 18/4/2018, 11/5/2018 nhưng ông Đ vắng mặt không có lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu của bà H và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

Tại biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà H và ông Đ do Tòa án tiến hành ngày 09/01/2018, chính quyền địa phương cung cấp thông tin như sau: Bà H và ông Đ trước khi nộp đơn khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án bà H không yêu cầu chính quyền địa phương tổ chức hòa giải cơ sở. Quá trình chung sống thực tế mâu thuẫn giữa hai vợ chồng, vấn đề chăm sóc, nuôi dạy con chung như thế nào chính quyền địa phương không nắm rõ. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự, tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Sự chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự và các quy định pháp luật liên quan. Bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án nhận thấy yêu cầu ly hôn và được nuôi con của nguyên đơn là có cơ sở theo quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An nhận định:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết*: Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu giải quyết việc hôn nhân, con chung giữa bà với ông Nguyễn Văn Đ tạm trú tại số khu phố Đ 4, phường B, thị xã K, tỉnh Bình Dương. Vì vậy, đây là vụ án tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Tòa án đã triệu tập, niêm yết hợp lệ đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Đ tham gia phiên tòa vào ngày 18/4/2018, 11/5/2018, ông Đ vắng mặt không có lý do. Bà Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt bà H, ông Đ.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn Đ có chứng nhận kết hôn (số 17, quyển số 01/2006 tại Ủy ban nhân dân xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên ngày 16/02/2016). Vì vậy, quan hệ hôn nhân bà H, ông Đ hợp pháp.

[4] *Về nội dung yêu cầu ly hôn bà Nguyễn Thị H*: Qua trình bày của bà H thể hiện việc ông Nguyễn Văn Đ không quan tâm, chăm lo cho gia đình về mặt tình cảm, vật chất nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, bà H và ông Đ sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc, để đạt được mục đích trên vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Xét, mục đích hôn nhân của bà H, ông Đ không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà H là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] *Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con*: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn Đ có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thu H1, sinh ngày 09/8/2007 và Nguyễn Anh Đ1, sinh ngày 06/11/2008, khi ly hôn bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con. Xét, từ khi bà H, ông Đ ly thân cháu H1 và cháu Đ1 do bà H chăm sóc nuôi dưỡng, quá trình tố tụng không làm việc được với ông Đ, hiện bà H có thu nhập và công việc ổn định, nguyện vọng của 02 cháu muốn ở với bà H, vì vậy yêu cầu trên của bà H được chấp nhận, việc này phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] *Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản*: Bà H không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Đối với ý kiến, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An về việc giải quyết vụ án, phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí sơ thẩm: Bà H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Đ.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ (theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 17, quyền số 01/2006 Ủy ban nhân dân xã Hưng Đạo, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên cấp ngày 16/02/2006).

1.2 Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Tiếp tục giao 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Thu H1, sinh ngày 09/8/2007 và Nguyễn Anh Đ1, sinh ngày 06/11/2008 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà H tạm thời không yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn Đ đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Bà H phải tạo điều kiện cho ông Đ trong việc thăm nom, chăm sóc con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3 Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Bà Nguyễn Thị H không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0018740 ngày 03/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Đương sự (2);
- VKSND thị xã Dĩ An (1);
- CC THADS thị xã Dĩ An (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- UBND x Hưng Đạo, h Tiên Lữ, t Hưng Yên (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Linh